

Bản án số:10/2024/DS-PT

Ngày: 17 - 01 -2024

V/v yêu cầu tuyên bố giao dịch
dân sự bị vô hiệu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Trường Thọ

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự bị vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 129/2023/DSST ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2024/QĐPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc D; Nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, thị xã N, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc T; Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2023).

- Bị đơn:

1. Ông Đặng Văn H.

2. Bà Đinh Thị C.

Cùng nơi cư trú: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đặng Văn H và bà Đinh Thị C: Anh Phạm Hoài Duy T1; Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Tạm trú: Số C, khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 20/10/2023).

3. Anh Đặng Thành Đ; Nơi cư trú: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông anh Đặng Thành Đ: Anh Huỳnh Trần Tấn V; Nơi cư trú: Số D, Đ, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 20/10/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Cao C1; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C, anh Đặng Thành Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D trình bày:

Ngày 26/3/2020, bà cho bà C và ông H vay số tiền 360.000.000 đồng, thời điểm cho vay thì bà C và ông H vẫn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 158 và thửa 165. Ngày 05/5/2021, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn giải quyết buộc ông H và bà C trả số tiền 360.000.000 đồng. Trong thời gian giải quyết vụ án thì bà C và ông H cố ý làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thửa 158 và thửa 165 cho con là anh Đặng Thành Đ vào ngày 17/11/2021 nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.

Nay bà yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Văn H và bà Đinh Thị C đối với anh Đặng Thành Đ thuộc thửa đất số 158, diện tích 2.475m² và thửa 165, diện tích 2.336m², đất tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đinh Thị C đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đặng Văn H trình bày:

Ông bà là chủ sử dụng của thửa đất số 158, diện tích 2.475m² và thửa 165, diện tích 2.336m², nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ người khác. Vào ngày 17/11/2021, ông bà tặng cho thửa 165, thửa 158 và căn nhà gắn liền trên đất, loại đất vườn cho anh Đặng Thành Đ.

Ông bà thông nhất tặng cho nhà, đất cho anh Đ nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Thành Đ trình bày: Anh được cha mẹ tặng cho hai thửa đất 158 và thửa 165. Hiện anh đang trồng cây và sinh sống trực tiếp trên đất cùng cha mẹ nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 129/2023/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2023 và quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 39/2023/QĐ-SCBSBA ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản Điều 116, Điều 124, Điều 131 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc D.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C với anh Đặng Thành Đ lập ngày 28/10/2021 các thửa đất số 158, diện tích 2.475m² và thửa 165, diện tích 2.336m², tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị vô hiệu. Buộc anh Đặng Thành Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C thửa đất số 158, diện tích 2.475m² và thửa 165, diện tích 2.336m², tờ bản đồ 23, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 18 tháng 10 năm 2023, bị đơn ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C, anh Đặng Thành Đ có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C, anh Đặng Thành Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D. Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C với anh Đặng Thành Đ lập ngày 28/10/2021 đối với các thửa đất số 158, diện tích 2.475m² và thửa 165, diện tích 2.336m², tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn bà D và người đại diện hợp pháp bà D xác định khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C với anh Đặng Thành Đ lập ngày 28/10/2021 các thửa đất số 158, diện tích 2.475m² và thửa 165, diện tích 2.336m², tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Lý do hợp đồng tặng cho có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đơn ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C, anh Đặng Thành Đ. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Ông H, bà C, anh Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Cao C1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Vào ngày 05/5/2021, bà Nguyễn Ngọc D nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn yêu cầu bà Đinh Thị C2 và ông Đặng Văn H trả cho bà số tiền vốn vay là 360.000.000 đồng và tiền lãi 35.856.000 đồng, tổng cộng vốn lãi 395.856.000 đồng và được Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D theo bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DSST ngày 18/01/2022. Sau đó, bà C2, ông H kháng cáo và tại bản án dân sự phúc thẩm số 54/2022/DSPT ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà C2, ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền vay vốn và lãi là 395.856.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà D không thực hiện quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngày 28/10/2021, bà C2, ông H lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là anh Đặng Thành Đ đối với thửa số 165, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.336m² và thửa 158, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.475m² và căn nhà gắn liền trên thửa số 158, đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất đã được công chứng chứng thực, đồng thời Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T điều chỉnh trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đặng Thành Đ đối với thửa 158 và thửa 165 vào ngày 17/11/2021.

[3] Khi bản án dân sự phúc thẩm số 54/2022/DSPT ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có hiệu lực pháp luật bà D làm đơn yêu cầu thi hành án thì ông H, bà C2 không còn tài sản để thi hành án và phát sinh tranh chấp. Tại quyết định số 166/QĐ-CCTHADS ngày 27/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn đã xác định bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H chưa có điều kiện thi hành đối với số tiền 395.856.000 đồng mà bà C, ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D. Ngày 04/7/2022, bà D nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/10/2021 giữa bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H và anh Đặng Thành Đ. Tại phiên tòa, bà D và người đại diện hợp pháp bà D căn cứ để yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C với anh Đặng Thành Đ lập ngày 28/10/2021 các thửa đất số 158, diện tích 2.475m² và thửa 165, diện tích 2.336m², tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Lý do hợp đồng tặng cho có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho bà D.

Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C, bên được tặng cho là anh Đặng Thành Đ. Tài sản tặng cho là thửa số 165, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.336m² và thửa 158, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.475m², đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Hợp đồng tặng cho được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 28/10/2021. Đến ngày 17/11/2021 thì anh Đ được đứng tên trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét hình thức thì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông H, bà C và anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật và đầy đủ điều kiện của một giao dịch dân sự có hiệu lực theo quy định tại Điều 117, Điều 459 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà D khởi kiện cho rằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông H, bà C có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho bà D. Xét thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất của bà C, ông H sang cho anh Đ ngày 17/11/2021. Thời điểm

này xảy ra trước bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DSST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn và trước thời điểm bản án dân sự phúc thẩm số 54/2022/DSPT ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có hiệu lực pháp luật. Tại công văn số 142/CV-CCTHADS ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn thể hiện bà Đinh Thị C và ông Đặng Văn H lập hợp đồng tặng cho anh Đặng Thành Đ 02 thửa đất nêu trên và anh Đ đã đứng tên trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/11/2021, hợp đồng đã hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu, sử dụng trước khi bản án số 54/2022/DSPT ngày 12/5/2022 có hiệu lực pháp luật nên giao dịch trên không thuộc trường hợp trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo khoản 2 Điều 75 của Luật thi hành án dân sự và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự. Do đó, không có căn cứ vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 28/10/2021 giữa bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H và anh Đặng Thành Đ theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 75 của Luật thi hành án dân sự quy định: *“Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo mà người được thi hành không yêu cầu thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó”*.

Theo quy định trên thì quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu liên quan đến quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là của người được thi hành án nhưng với điều kiện phải có thông báo của chấp hành viên về việc xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ hoặc chấp hành viên. Tuy nhiên, Chi cục thi hành án dân sự huyện T chỉ mới ban hành quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án và hồ sơ vụ án không có tài liệu cho thấy Chấp hành viên đã thông báo cho bà D là người được thi hành án để bà D thực hiện quyền yêu cầu của mình theo quy định tại Điều 75 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, theo hồ sơ thể hiện số tiền vay của bà C vay của bà D nhằm để cho ông Trương Đình T2 vay, theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2022/QĐST-DS ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thì ông T2 có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vốn, lãi bằng

395.856.000 đồng nhưng đến nay ông T2 chưa thi hành án. Như vậy, bà C thuộc trường hợp còn tài sản khác để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án.

Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C với anh Đặng Thành Đ lập ngày 28/10/2021 các thửa đất số 158, diện tích 2.475m² và thửa 165, diện tích 2.336m², tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và được cấp sơ thẩm chấp nhận là không có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà C, ông H, anh Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên Bà D phải chịu chi phí là 1.810.000 đồng và bà D đã nộp xong.

[5] Án phí dân sự:

Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ông H, bà C, anh Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị C, ông Đặng Văn H và anh Đặng Thành Đ. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2023/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 117, Điều 459 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 75 Luật thi hành án dân sự; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc D về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C với anh Đặng Thành Đ lập ngày 28/10/2021 các thửa đất số 158, diện tích 2.475m² và thửa 165, diện tích 2.336m², tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Bà D phải chịu chi phí là 1.810.000 đồng và bà D đã nộp xong.

3. Án phí dân sự:

Bà Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 14702 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Đặng Văn H, bà Đinh Thị C, anh Đặng Thành Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 10751 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.TO: 01;
- VKSND H.TO: 01;
- Chi Cục THADS H.TO: 01;
- Dương sự: 04;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca